

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lự Xuân Điệp và bà Vi Thị Loan;

Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST- HNGĐ ngày 10/6/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1987.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn C sống chung với nhau từ năm 2006 đến ngày 15/11/2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh

Lào Cai. Hai vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2018 vợ chồng cãi nhau, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã H sinh sống. Hai vợ chồng ly thân, không còn quan hệ gì với nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 21/7/2020, anh C bị Công an huyện Văn Bàn bắt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống không ai có con riêng, có 02 con chung là cháu Hà Xuân Đ - sinh ngày 18/9/2007; cháu Hà Mạnh K - sinh ngày 12/3/2010. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T xác định hai vợ chồng không có tài sản chung gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị T xác định hai vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hà Văn C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã giao thông báo thụ lý vụ án, anh C viết bản tự khai và trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C sống chung với nhau từ năm 2006 đến ngày 15/11/2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, đến năm 2015 chị T tự ý bỏ nhà đi không nói với anh C, từ đó chị T bỏ mặc ba bố con tự chăm sóc nhau. Đến ngày 21/7/2020, anh C bị Công an huyện Văn Bàn bắt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì bố mẹ đẻ của chị T đến đón các con chung của anh chị về chăm sóc. Anh C xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống không ai có con riêng, có 02 con chung là cháu Hà Xuân Đ - sinh ngày 18/9/2007, cháu Hà Mạnh K - sinh ngày 12/3/2010. Khi ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C xác định hai vợ chồng không có tài sản chung gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh C xác định hai vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 21/7/2021 anh C đã chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trở về địa phương, nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án đến thực hiện các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 20/8/2021 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Hà Văn C vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu Hà Xuân Đ và cháu Hà Mạnh K về nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn. Các cháu đều nguyện vọng được sống với mẹ là chị Hoàng Thị T.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Anh Hà Văn C sau khi chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trở về địa phương, nhưng anh C không thường xuyên có mặt tại địa phương. Anh C hiện nay lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập bình quân 39.200.000đ/năm. Chị T có thu nhập bình quân là 5.000.000đ/tháng.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Hà Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hà Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Hà Xuân Đ, sinh ngày 18/9/2007 và cháu Hà Mạnh K, sinh ngày 12/3/2010 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn C không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, bị đơn anh Hà Văn C cư trú tại Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết, không tham gia hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị T, bị đơn anh Hà Văn C, người làm chứng, kết quả xác minh tại UBND xã H có đủ căn cứ xác định: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Đây là quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2018 vợ chồng cãi nhau, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã H sinh sống. hai vợ chồng ly thân, không còn quan hệ gì với nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 21/7/2020, anh C bị bắt đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Lào Cai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. Anh Hà Văn C cũng xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh nhất trí ly hôn với chị Thoa.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn C có 02 con chung là cháu Hà Xuân Đ, sinh ngày 18/9/2007 và cháu Hà Mạnh K, sinh ngày 12/3/2010, hiện cháu đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con

chung. Anh Hà Văn C đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy: Thu nhập hàng tháng của chị T là 5.000.000đ/ tháng, đảm bảo đủ điều kiện vật chất để nuôi dạy các cháu đến khi trưởng thành. Thu nhập của anh C tính theo mức thu nhập lao động tự do bình quân tại địa phương là 39.200.000đ/năm. Từ khi anh chị sống ly thân cháu Đ và cháu K đều ở cùng chị T do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, được ăn học đầy đủ. Anh C bị bắt đi cai nghiện ma túy. Khi chấp hành xong thời gian cai nghiện trở về địa phương, nhưng anh C thường xuyên không có mặt tại địa phương, không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Đ và K đến khi trưởng thành. Vì vậy để không làm thay đổi về điều kiện và hoàn cảnh sống, đảm bảo sự phát triển cả về thể chất cũng như tinh thần cho hai cháu, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và chị T, nên giao cháu Hà Xuân Đ và Hà Mạnh K cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hà Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Hà Xuân Đ, sinh ngày 18/9/2007 và cháu Hà Mạnh K, sinh ngày 12/3/2010 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đ và cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004145 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hà Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã H (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

